

**THÔNG BÁO CƠ SỞ CẬP NHẬT KIẾN THỨC Y KHOA LIÊN TỤC
TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

(Áp dụng đối với các cơ sở tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn)

I. Thông tin đơn vị:

1. Tên cơ sở cập nhật kiến thức y khoa liên tục: Bệnh viện Da liễu Trung ương
2. Địa chỉ: Số 15A Phương Mai, phường Kim Liên, TP. Hà Nội
3. Điện thoại: 024.32222944
4. Người đứng đầu: PGS.TS. Lê Hữu Doanh.
5. Ngày cập nhật: 08/05/2026

II. Năng lực tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn:

1. Chương trình: gồm 15 chương trình (Danh sách kèm theo) xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế và phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện, chương trình luôn được cập nhật thường xuyên đảm bảo tính khoa học, phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

2. Tài liệu:

- Sử dụng tài liệu của Bộ Y tế, sách của Nhà xuất bản Y học.
- Sử dụng tài liệu do Bệnh viện biên soạn đã được Hội đồng thẩm định và ban hành theo đúng quy định.

3. Giảng viên:

- Tham gia giảng dạy là các bác sĩ, điều dưỡng đang công tác tại các Khoa/phòng trực thuộc Bệnh viện Da liễu Trung ương.
- Có chứng chỉ hành nghề và phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với chương trình và đối tượng đào tạo.
- Có kinh nghiệm chuyên môn tối thiểu 24 tháng liên tục đến thời điểm giảng dạy, phù hợp với chuyên ngành giảng dạy.
- Có chứng chỉ “Sư phạm y học cơ bản” hoặc “Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe”.

4. Năng lực chuyên môn:

Bệnh viện Da liễu Trung ương là Bệnh viện chuyên khoa đầu ngành về chuyên ngành Da liễu, có chức năng cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, thẩm mỹ về chuyên khoa Da liễu cho người bệnh có nhu cầu và các đối tượng khác có yêu cầu trong phạm vi cả nước; Thực hiện các



nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh; Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế, phòng chống dịch bệnh, hợp tác quốc tế; công tác chỉ đạo chuyên môn tuyến dưới trong phạm vi cả nước và khu vực được phân công. Bệnh viện được xếp là Bệnh viện chuyên khoa hạng I.

5. Tổ chức quản lý:

- Ban Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm chỉ đạo, định hướng và giám sát toàn diện công tác đào tạo, bảo đảm thực hiện đúng quy định và mục tiêu đề ra.

- Phòng Đào tạo – Trung tâm Đào tạo và Chỉ đạo tuyến là đầu mối chủ trì, tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo; quản lý và theo dõi học viên trong thời gian đào tạo.

- Các khoa chuyên môn trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đồng thời phối hợp quản lý và đánh giá kết quả học tập của học viên, bảo đảm chất lượng đào tạo.

- Học viên tham gia đào tạo đảm bảo thời gian học, tuân thủ đúng quy định của khóa đào tạo và có đầy đủ bài kiểm tra lượng giá đầu vào/đầu ra của chương trình đào tạo.



GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Doanh



**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CẬP NHẬT KIẾN THỨC Y KHOA LIÊN TỤC**

STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Thời gian	Học phí
1.	Da liễu cơ bản Chẩn đoán, điều trị các bệnh da liễu thường gặp trong thực hành lâm sàng ở tuyến y tế cơ sở (xã, huyện, tỉnh).	Bác sĩ đa khoa/y khoa	6 tháng	30.000.000 VNĐ
2.	Phẫu thuật da trong chuyên ngành Da liễu - Chẩn đoán, phân tích phương pháp điều trị các khối u da, móng chọc thịt. - Thực hiện kỹ thuật sinh thiết da, niêm mạc, phẫu thuật móng chọc thịt, sẹo xấu, cắt bỏ các khối u da bằng phẫu thuật Mohs hoặc cắt rộng, ghép da cơ bản. - Phát hiện và xử trí các biến chứng trên bệnh nhân sau phẫu thuật.	Bác sĩ đa khoa/y khoa	12 tuần	25.000.000 VNĐ
3.	Tiêm chất làm đầy trong thẩm mỹ da - Chỉ định can thiệp, phân tích các loại chất làm đầy, giải phẫu ứng dụng trong thực hành tiêm chất làm đầy. - Thực hiện những kỹ thuật cơ bản tiêm chất làm đầy vùng mặt. - Phát hiện, xử lý biến chứng trong và sau tiêm chất làm đầy.	bác sĩ y khoa/đa khoa có chứng chỉ định hướng chuyên khoa/chứng chỉ cơ bản hoặc giấy xác nhận	7 ngày	25.000.000 VNĐ

4.	<p>Căng chỉ trong thẩm mỹ da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định can thiệp, phân tích các loại chỉ và giải phẫu ứng dụng trong thực hành căng chỉ vùng mặt và ngoài mặt. - Thực hiện kỹ thuật căng chỉ vùng mặt và vùng cổ. - Phát hiện, xử lý biến chứng trong và sau căng chỉ 	hoàn thành \geq 6 tháng học về chuyên ngành Da liễu, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Nhân khoa, Phẫu	7 ngày	30.000.000 VNĐ
5.	<p>Ứng dụng Botulinum – toxin trong thẩm mỹ da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định can thiệp, phân tích các loại botulinum toxin và giải phẫu ứng dụng trong thực hành tiêm botulinum toxin vùng mặt và ngoài mặt. - Thực hiện kỹ thuật tiêm botulinum toxin xóa các nếp nhăn vùng mặt, tạo hình khuôn mặt, vùng ngoài mặt và điều trị tăng tiết mồ hôi. - Phát hiện, xử lý biến chứng trong và sau tiêm botulinum toxin. 	thuật tạo hình hoặc bác sĩ có chứng chỉ hành nghề các chuyên ngành nêu trên	7 ngày	15.000.000 VNĐ
6.	<p>Liệu pháp Meso trong thẩm mỹ da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định can thiệp, phân tích cơ chế, các loại hoạt chất sử dụng trong liệu pháp meso. - Thực hiện kỹ thuật meso điều trị tăng sắc tố da, lão hóa da, sẹo lõm và rụng tóc. - Phát hiện, xử lý biến chứng trong và sau thủ thuật liệu pháp meso. 	Bác sỹ y khoa/Đa khoa hoặc Bác sỹ có chứng chỉ hành nghề Da liễu	5 ngày	15.000.000 VNĐ
7.	<p>Ứng dụng Laser, ánh sáng và các thiết bị phát năng lượng trong chuyên ngành Da liễu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày, phân tích được kiến thức cơ bản của liệu pháp laser và ánh sáng trong da liễu. 	Bác sỹ Y khoa/ Đa khoa có chứng chỉ định hướng chuyên	12 tuần	30.000.000 VNĐ

	- Thực hành được một số kỹ thuật điều trị bệnh da và thẩm mỹ da bằng laser, ánh sáng và các thiết bị phát năng lượng.	khoa/chứng chỉ cơ bản chuyên ngành Da liễu, Bác sỹ có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa Da liễu		
8.	Laser và ánh sáng điều trị tăng sắc tố da Phân tích và vận dụng được kiến thức cơ bản và thực hành được điều trị sắc tố da bằng laser và ánh sáng.	Bác sĩ đa khoa/y khoa có chứng Da liễu cơ bản hoặc tương đương từ 6 tháng trở lên, giấy chứng nhận hoàn thành \geq 6 tháng học về chuyên ngành Da liễu hoặc bác sĩ có chứng chỉ hành nghề Da liễu	5 ngày	10.000.000 VNĐ
9.	Laser và các phương pháp không phẫu thuật trong điều trị sẹo, rạn da Phân tích và vận dụng được kiến thức cơ bản về laser và ánh sáng trong điều trị sẹo và rạn da, thực hành được một số kỹ thuật laser và ánh sáng.	6 tháng học về chuyên ngành Da liễu hoặc bác sĩ có chứng chỉ hành nghề Da liễu	5 ngày	10.000.000 VNĐ
10.	Chăm sóc da thẩm mỹ - Phân tích cấu trúc, sinh lý da, các kỹ thuật và sản phẩm áp dụng trong chăm sóc da. - Thực hiện kỹ thuật chăm sóc da thường, da bệnh lý và sau can thiệp thủ thuật xâm lấn.	Nhân viên y tế	2 tháng	20.000.000 VNĐ
11.	Lột da bằng hóa chất - Phân tích cơ chế, tác dụng, phân loại hóa chất và công thức kết hợp dùng trong Peel da hóa chất - Thực hiện Peel da bằng hoá chất	Bác sĩ/ Điều dưỡng	5 ngày	10.000.000 VNĐ

	<p>điều trị một số tình trạng da như trứng cá, tăng sắc tố, lão hoá da.</p> <p>- Nhận biết, phòng và xử lý biến chứng do Peel da bằng hoá chất.</p>			
12.	<p>Liệu pháp Meso trong thẩm mỹ da dành cho Điều dưỡng</p> <p>- Nhận định các loại hoạt chất sử dụng trong liệu pháp meso</p> <p>- Thực hiện kỹ thuật meso điều trị các rối loạn sắc tố da, sẹo lõm và lão hóa da.</p> <p>- Phát hiện, xử lý biến chứng trong và sau tiêm meso.</p>	<p>Cử nhân Điều dưỡng trình độ đại học trở lên</p>	5 ngày	10.000.000 VNĐ
13.	<p>Điều dưỡng trong chuyên ngành da liễu</p> <p>Phân tích và thực hiện quy trình chăm sóc điều trị bệnh lý da liễu.</p>	Điều dưỡng	12 tuần	15.000.000 VNĐ
14.	<p>Giải phẫu bệnh cơ bản trong da liễu</p> <p>Phân tích và nhận định mô bệnh học của da, trình bày được kiến thức cơ bản, đọc được các tiêu bản về giải phẫu bệnh da viêm và u, mối liên quan giữa giải phẫu bệnh da và lâm sàng da liễu, giá trị của giải phẫu bệnh da trong tiên lượng và điều trị các bệnh da liễu.</p>	<p>Bác sĩ y khoa/đa khoa đã có chứng chỉ Da liễu cơ bản hoặc Giải phẫu bệnh cơ bản hoặc tương đương</p>	8 tuần	20.000.000 VNĐ
15.	<p>Dermoscopy cơ bản trong chuyên ngành da liễu</p> <p>Phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản để hỗ trợ, phân tích được các dấu hiệu bình thường và bất thường của da và tóc dựa trên dermoscope.</p>	<p>Bác sĩ Y khoa/Đa khoa có văn bằng chuyên khoa Da liễu hoặc chẩn đoán hình ảnh hoặc chứng chỉ da liễu cơ bản, chẩn đoán hình ảnh</p>	2 tuần	12.000.000 VNĐ

		hoặc đã học chuyên ngành Da liệu, chẩn đoán hình ảnh từ 6 tháng trở lên		
--	--	---	--	--



DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH

ĐÀO TẠO CẬP NHẬT KIẾN THỨC Y KHOA LIÊN TỤC

STT	Họ và tên	Trình độ, Chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo - học vị/học hàm	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chứng chỉ Sư phạm y học cơ bản/Phương pháp dạy - học lâm sàng
1	LÊ HỮU DOANH	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y khoa Phó Giáo sư	0014028/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
2	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ YTCC Tiến sĩ y học	0013658/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
3	NGUYỄN HỮU SÁU	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐHCK Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Thạc sĩ chuyên ngành da liễu Tiến sĩ y học Phó Giáo sư Giáo sư	000572/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
4	ĐỖ THỊ THU HIỀN	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ YTCC Tiến sĩ y học Phó Giáo sư	0014020/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
5	NGUYỄN THỊ HÀ VINH	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y học	0027766/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x

6	NGUYỄN THỊ HOA	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu	030042/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
7	THÂN TRỌNG TÙY	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐHCK Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ BSCKII chuyên ngành Da liễu	0027814/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
8	LÊ VĂN TRUNG	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	048924/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
9	PHẠM THU TRANG	BS đa khoa Thạc sĩ, chuyên ngành Da liễu	003869/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
10	ĐẶNG BÍCH DIỆP	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014640/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
11	HOÀNG THỊ NGỌC LÝ	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014022/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
12	NGUYỄN TIỀN THÀNH	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ BS chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014031/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
13	TRẦN THỊ VÂN ANH	Bác sĩ đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên	0026288/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x

		ngành Da liễu			
14	TRẦN THU HÀ PHƯƠNG	Bác sĩ đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	044454/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
15	NGUYỄN HỒNG SƠN	Bác sĩ đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ TS Ngoại khoa/ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	002021/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ, Da liễu	x
16	NGUYỄN HỮU QUANG	Bác sĩ đa khoa Tiền sĩ ngoại khoa CCĐHCK Da liễu CCĐHCK Phẫu thuật tạo hình, thẩm mỹ và tái tạo	034211/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
17	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	BS đa khoa CCĐH CĐHA CCĐHCK Da liễu CCĐHCK Phẫu thuật tạo hình Thạc sĩ chuyên ngành phẫu thuật tạo hình	0014033/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
18	LÊ THANH HIỀN	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	039547/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
19	VŨ NGUYỄN BÌNH	BS đa khoa Thạc sĩ chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình CC Da liễu cơ bản	022717/HNO- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình	x
20	VŨ ĐÌNH TÂM	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Phẫu thuật tạo	050567/BYT- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm	x

		hình CC Da liễu cơ bản		mỹ	
21	NGUYỄN CẢNH TÙNG	Bác sĩ đa khoa CCĐH PTTHTM CCĐHCK Da liễu BS.CKI chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình	041418/BYT- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	x
22	TRƯỜNG QUỐC SƠN	ThS Ngoại Khoa BSNT chuyên khoa phẫu thuật tạo hình	005276/HNO- GPHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình	x
23	VŨ HUY LƯỢNG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiền sĩ y khoa	0014019/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
24	NGUYỄN THÙY LINH	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014610/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
25	TRẦN THỊ THANH TÂM	Bs đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	036060/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
26	NGUYỄN DUY NHÂM	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042099/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
27	PHAN THỊ BÌNH MINH	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042095/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
28	TRẦN HẬU THẠCH LÂM	BS đa khoa CCĐHCK da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu	039303/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
29	NGUYỄN MẬU TRÁNG	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	047039/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x

30	NGÔ MINH THẢO	Bs đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐH Kỹ thuật Y học chuyên ngành XN BSCKII chuyên ngành Da liễu	036070/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
31	VŨ THÁI HÀ	BS đa khoa/ BSNT chuyên ngành Da liễu/ Tiền sĩ y học	002197/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
32	NGUYỄN QUANG MINH	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu CCĐH tạo hình thẩm mỹ	0014034/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
33	VŨ THỊ HỒNG LUYẾN	BS đa khoa CCĐHCK Tai Mũi Họng Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0013675/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	x
34	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0028066/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
35	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0014642/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
36	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Bs đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0014654/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x

37	NGUYỄN MINH HƯỜNG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu	036067/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
38	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	044456/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
39	NGUYỄN DOÃN TUẤN	BS đa khoa/ Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	046927/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
40	LÊ THỊ HOÀI THU	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042096/BYT- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
41	ĐẶNG TÚ ANH	BS đa khoa Thạc sĩ, chuyên ngành Da liễu	000686/BYT- GPHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
42	QUÁCH THỊ HÀ GIANG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu Tiền sĩ y khoa	0014027/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
43	VŨ THỊ PHƯƠNG DUNG	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu	0025909/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
44	NGUYỄN THỊ HÀ MINH	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0027884/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
45	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu	035951/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
46	DƯƠNG THỊ THÚY QUỲNH	BS đa khoa CCĐHCK Da liệu BSCKI chuyên ngành Da liễu	034490/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x

47	LÊ THỊ THANH HẰNG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu	000229/BN-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
48	HOÀNG THỊ PHƯỢNG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014643/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
49	TRỊNH THỊ LINH	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042097/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
50	ĐẶNG THỊ LƯƠNG	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	044455/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
51	DƯƠNG THỊ LAN	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014893/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
52	NGUYỄN MINH THU	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0014611/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	x
53	NGÔ THỊ VÂN ANH	BS YHCT BS.CKI chuyên ngành CĐHA BS.CKII chuyên ngành CĐHA	0036051/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	x
54	NGUYỄN THỊ HẠNH	BS đa khoa BS.CKI chuyên ngành CĐHA	009824/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	x
55	TRẦN VIỆT ĐỨC	Bác sĩ đa khoa CCĐHCK CĐHA BSCKI CĐHA	034513/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	x
56	ĐỒNG XUÂN KIÊN	BS đa khoa CCĐH CĐHA CC Da liễu cơ bản BSCKI CĐHA	043289/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	x

58	TRẦN THỊ TUYẾT	Bác sĩ đa khoa BSNT chuyên ngành Vi sinh Y học	001393/BYT- GPHN	Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	x
59	LÊ HUYỀN MY	BS đa khoa CCĐHCK Da liệu CCĐHXN hóa sinh Thạc sĩ chuyên ngành da liễu Tiền sĩ y học	0014633/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
60	PHẠM THỊ THU TRANG	BS Đa khoa Thạc sĩ hóa sinh Tiền sĩ y học	011860/HP- CCHN	Bác sĩ Đa khoa/Chuyên khoa Xét nghiệm (Hoá sinh)	x
61	ĐINH HỮU NGHỊ	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐHCK PTTH Tiền sĩ nội khoa	0023428/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
62	LÊ THỊ HẢI YẾN	BS đa khoa CCĐHCK Giải phẫu bệnh Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS. CKII chuyên ngành Da liễu	0013653/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu, Giải phẫu bệnh	x
63	PHẠM ĐÌNH HÒA	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐHCK Giải phẫu bệnh	0014635/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
64	BÙI THỊ PHƯƠNG MINH	BS đa khoa CCĐHCK Da liễu CCĐHCK Giải phẫu bệnh Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu	037345/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu, Giải phẫu bệnh	x
65	TRẦN THỊ LINH	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Giải phẫu bệnh BSCKI chuyên ngành Da liễu	040075/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh	x

66	HOÀNG THỊ ÁI LIÊN	BS đa khoa CCĐHCK Nhi CCĐHCK Da liệu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0014634/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
67	BÙI QUANG HÀO	BS đa khoa BSCKI chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	0014021/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
68	TRỊNH THỊ PHƯỢNG	BS đa khoa, CCĐHCK da liệu BSCKI chuyên ngành Da liễu BSCKII chuyên ngành Da liễu	000563/HNO- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
69	PHƯƠNG QUỲNH HOA	BS đa khoa CCĐHCK Phẫu thuật tạo hình CCĐHCK Da liệu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014032/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu, phẫu thuật tạo hình	x
70	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y học Phó Giáo sư	0009380/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
71	LÊ THỊ MAI	BS RHM Thạc sĩ YTCC CCĐHCK Da liệu	0013661/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
72	HOÀNG VĂN TÂM	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y khoa	030045/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
73	HÀ TUẤN MINH	BS đa khoa Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014030/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x

74	VŨ THANH TÙNG	BS đa khoa Thạc sĩ YHDP CCĐHCK Da liệu BS.CKI chuyên ngành Da liễu BS.CKII chuyên ngành Da liễu	034218/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
75	DƯƠNG PHÚC HIẾU	Bác sĩ đa khoa CC Da liễu cơ bản Thạc sĩ chuyên khoa Da liễu	000889/HT- GPHN	Chuyên khoa Da liễu	x
76	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Bác sĩ đa khoa CC Da liễu cơ bản Thạc sĩ chuyên khoa Da liễu	004184/BYT- GPHN	Chuyên khoa Da liễu	x
77	NGUYỄN MẠNH TÂN	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042094/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
78	PHẠM THỊ LOAN	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu CC định hướng Kỹ thuật Y học chuyên ngành XN	033017/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
79	LÊ THỊ XUÂN	Bs đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	042100/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
80	TRẦN HẬU KHANG	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y học Phó Giáo sư Giáo sư	0009377/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
81	PHẠM THỊ LAN	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y học Phó Giáo sư	000364/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x

82	TRỊNH MINH TRANG	BS đa khoa CCĐHCK Da liệu Thạc sĩ y khoa Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ chuyên ngành Nội khoa/Da liễu	0024756/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
83	THÁI THỊ DIỆU VÂN	BS đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu CCĐH Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ cơ bản	044468/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
84	VŨ NGUYỆT MINH	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu Tiến sĩ y học	004467/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
85	PHẠM THỊ THẢO	BS đa khoa BSNT chuyên ngành Da liễu	030044/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
86	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Bs đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	046835/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x
87	VŨ HẢI YẾN	BS đa khoa CCĐH CK Da liễu Tiến sĩ y học	001207/BYT- GPHN	Chuyên khoa Da liễu	x
88	TRẦN THỊ THU HIỀN	Bs đa khoa Thạc sĩ, BSNT chuyên ngành Da liễu	004185/BYT- GPHN	Chuyên khoa Da liễu	x
89	ĐÀO HỮU GHI	BS đa khoa CCĐHCK Da liệu Thạc sĩ chuyên ngành Da liễu BS.CKI chuyên ngành Da liễu (chuyên đôi) BS.CKII chuyên ngành Da liễu	0014029/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liệu	x

90	PHẠM TIẾN DŨNG	CNDD Thạc sĩ ĐD	0009379/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
91	ĐÀO DUY THÀNH	CNDD Thạc sĩ ĐD	0011378/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
92	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	CNDD Thạc sĩ ĐD	0013657/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	x
93	TRẦN THỊ THƯƠNG THÚY	CNDD Điều dưỡng CKI	0014607/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
94	TRẦN THỊ KIM ANH	CNDD Thạc sĩ QL BV Điều dưỡng CKI	0014024/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
95	LÊ THỊ HỒNG GẮM	CNDD	000632/NB- CCHN	Thực hiện y lệnh Khám chữa bệnh	x
96	LÊ VĂN SỰ	CNDD Ths. YTCC Điều dưỡng CKI	0014047/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	x
97	NGÔ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	CNDD Thạc sĩ ĐD	0014606/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
98	HÀ THỊ THU HẰNG	CNDD	0014624/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	x
99	ĐÀO VĂN ĐƯƠNG	CNDD Ths QL BV	00140143/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	x

100	TRẦN THỊ HOA	CNĐD	0014046/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
101	NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN	CNĐD	0022372/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
102	NGÔ THỊ HUYỀN	CNĐD	034522/BYT-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	x
103	NGUYỄN THỊ THẢO	CNĐD	0014617/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
104	ĐÀO THU THỦY	CNĐD Ths Điều dưỡng	0014651/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
105	TRẦN THỊ THƠM	CNĐD	0014644/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
106	ĐỖ THỊ THÚY HỒNG	CNĐD	0014609/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
107	HOÀNG HỒNG HẠNH	CNĐD Ths Điều dưỡng	0014652/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x

108	LÊ TIỀN PHONG	CNĐĐ	030047/BYT-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	x
109	NGÔ THỊ LƯƠNG	CNĐĐ Ths Điều dưỡng	0014626/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005	x
110	ĐINH THỊ PHƯƠNG	CNĐĐ	0014615/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
111	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	CNĐĐ	0014614/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
112	HOÀNG THỊ THOM	CNĐĐ Thạc sĩ ĐD	0014603/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
113	LƯƠNG THỊ THUẬN	CNĐĐ	0014604/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
114	TRẦN THỊ HUẾ	CNĐĐ	0014618/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x
115	VŨ THỊ KIM THOA	CNĐĐ Ths ĐD	0014041/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	x

116	NGUYỄN THỊ BĂNG THANH	CNĐĐ	030043/BYT- CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu ch chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	x
117	TRẦN THỊ HOA	CNĐĐ	0014046/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	x

